TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THNH PHỐ TỪ SƠN** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-ST
Ngày: 24/3/2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THNH PHỐ TỪ SƠN

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Quang Bình, bà Nguyễn Thị Thúy.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân tHnh phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Từ Sơn tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tHnh phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh N, sinh năm 1945; Địa chỉ: Khu phố 4 C, phường Đ, thành phố T, tỉnh B. Có mặt

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hải H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khu phố 2 C, phường Đ, thành phố T, tỉnh B. Xin xét xử vắng mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1950; Địa chỉ: Khu phố 4 C, phường Đ, thành phố T, tỉnh B. Có mặt

2. Chị Từ Thị Lan P, sinh năm 1988; Địa chỉ: Khu phố 2 C, phường Đ, thành phố T, tỉnh B. Vắng mặt

3. Anh Nguyễn Hải A, sinh năm 2001; Địa chỉ: Khu phố 2 C, phường Đ, thành phố T, tỉnh B. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn là ông Nguyễn Mạnh N trình bày: Do quan hệ quen biết nên ngày 30.5.2019 (dương lịch) ông N, bà X có cho chị Nguyễn Thị Hải H vay số tiền 70.000.000 đồng.

Tại nH ông N, chị H là người nhận tiền đủ số tiền này từ bà X và tự tay viết giấy vay tiền với nội dung: *"Tên tôi là Nguyễn Thị Hải H sinh ngày 29.6.1976. Số CMT 027176000157. Tạm trú tại khu phố 2, Cẩm Giang, Đồng Nguyên, Từ Sơn, Bắc Ninh. Hôm nay là ngày 30.5.2019 tôi có vay của chú Nguyễn Mạnh N (X) ở khu phố 4, Cẩm Giang, Đồng Nguyên, Từ Sơn, Bắc Ninh số tiền là 70.000.000 đồng với thời hạn 7 tháng, tôi trả góp mỗi tháng 10.000.000 đồng. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và ông N. Từ Sơn ngày 30.5.2019 người vay ký tên Nguyễn Thị Hải H. TB: Mỗi tháng tôi thanh toán cho ông N làm 3 lần vào ngày 10.20.30 Hng tháng. Để làm tin tôi có để lại. Để làm tin tôi có để lại 01 Giấy tờ xe mang tên Từ Thị Lan Phương; 01 giấy tờ xe mang tên Nguyễn Hải Anh. Nếu tôi không trả chú N có quyền tịch thu 2 chiếc xe máy trên".* Ngoài ra, chị H còn để lại 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Hải H cho ông giữ để làm tin.

Từ khi nhận tiền đến nay, chị H chưa thanh toán cho ông N, bà X một khoản tiền nào theo như thỏa thuận. Ông N, bà X đã đòi nhiều lần nhưng chị H không trả tiền. Ông N xác định đây là khoản tiền chung của ông N bà X. Vì vậy ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị H trả ông N, bà X số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng.

Về lãi suất ông N không đề nghị Tòa án giải quyết vì tại giấy vay tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất. Đối với giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 026912 mang tên Từ Thị Lan Phương, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 026047 mang tên Nguyễn Hải Anh và căn cước công dân số 027176000157 mang tên Nguyễn Thị Hải H, khi nào chị H thanh toán trả tiền đầy đủ thì vợ chồng ông N sẽ trả lại giấy tờ gốc cho chị H.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/02/2023 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Hải H trình bày: Do quan hệ quen biết nên ngày 30.5.2019 (dương lịch) chị có vay 70.000.000 đồng của ông Nguyễn Mạnh N, bà Nguyễn Thị X. Tại nH ông N, bà X đưa cho chị số tiền 70.000.000 đồng. Chị H đã nhận đủ số tiền trên. Nội dung giấy vay tiền như ông N trình bày là đúng. Để làm tin ngày 03/4/2019 chị H có đưa cho vợ chồng ông N 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 026912 mang tên Từ Thị Lan Phương (em dâu chị H), giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 026047 mang tên Nguyễn Hải Anh (con chị H) và căn cước công dân mang tên chị H.

Đến hạn thanh toán, chị H đã trả ông N, bà X gần 20 triệu tiền lãi nhưng không có tài liệu chứng minh. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông N, chị H đồng ý trả ông N, bà X nợ gốc 70.000.000 đồng. Do kinh tế khó khăn nên chị H xin trả vợ chồng ông N, bà X mỗi tháng 1.000.000 đồng. Hiện nay chị Phương và cháu Anh đang sinh sống cùng nH với chị H. Tuy nhiên gia đình chị H đã cho

02 xe mô tô trên nên chị H không có yêu cầu xin lại ông N, bà X 03 loại giấy tờ trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X công nhận lời trình của ông N là đúng và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Từ Thị Lan Pg và anh Nguyễn Hải A đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến gửi đến Tòa án án và không đến Tòa án giải quyết vụ việc.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến Hnh hòa giải vụ án theo đúng quy định của pháp luật nhưng không hòa giải được, vì vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Từ Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong vụ án kể từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên toà là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị P, cháu A không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 58; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc chị Nguyễn Thị Hải H phải trả cho ông Nguyễn Mạnh N, bà Nguyễn Thị X số tiền 70.000.000 đồng. Ông N, bà X có trách nhiệm trả chị Nguyễn Thị Hải H 03 giấy tờ cá nhân của chị H, chị P và cháu A.

Án phí: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Về việc vắng mặt của các đương sự: Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa ngày 06/3/2023, bị đơn, người có quyền

lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 11 của Hội đồng xét xử phiên tòa được mở lại vào hồi 08 giờ ngày 24/3/2023. Tại phiên tòa, bị dơn là chị H có đơn xin xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị P, cháu Hải A vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt những người này.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại khoản tiền đã vay theo hợp đồng. Vì vậy, đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn cư trú tại khu phố 2 Cẩm Giang, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Về thời hiệu khởi kiện: Đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nguyên đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã thụ lý vụ án. Tại giấy vay tiền thỏa thuận về thời hạn thanh toán đến ngày 30.12.2019. Ngày 11/11/2022 Tòa án thụ lý vụ án. Căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Xét Giấy vay tiền ngày 30/5/2019 dương lịch, Hội đồng xét xử thấy: Tại giấy vay tiền có ghi thời hạn thanh toán, không ghi lãi suất. Các đương sự đều thừa nhận vay tiền có thời hạn và không có lãi nên đây là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn, không có lãi được quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực Hnh vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc ký giấy vay tiền được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về hợp đồng vay tài sản nên hợp đồng này có hiệu lực pháp luật. Chị H đã nhận đầy đủ tiền nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cho ông N, bà X theo thỏa thuận. Ông N, bà X đã đòi nhiều lần nhưng chị H không trả tiền. Tại biên bản lấy lời khai và buổi tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải tại Tòa án ngày 15/02/2023, các đương sự đều xác nhận chị H còn nợ ông N, bà X số tiền 70.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 30/5/2019 dương lịch là đúng. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định số tiền nợ gốc chị H còn nợ ông N, bà X là 70.000.000 đồng. Nguồn gốc số tiền cho vay là của ông N, bà X. Yêu cầu khởi kiện của ông N là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Vì

vậy buộc chị H phải trả cho ông N, bà X số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng.

Về yêu cầu tính lãi: Tại Giấy vay tiền các đương sự đều khẳng định không thỏa thuận về lãi suất. Chị H trình bày có trả lãi gần 20 triệu đồng cho ông N, bà X nhưng không có tài liệu nào chứng minh về việc này và chị H cũng không yêu cầu nên Tòa án xem xét giải quyết. Ông N, bà X không yêu cầu chị H phải trả lãi. Xét thấy, yêu cầu này của ông N, bà X là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 026912 đăng ký xe nhãn hiệu Piaggio Zip biển số đăng ký 99B1-406.06 mang tên Từ Thị Lan P (là em dâu chị H); 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 026047 đăng ký xe nhãn hiệu Honda Wave biển số đăng ký 99B1-399.68 mang tên Nguyễn Hải A (là con đẻ chị H); 01 Căn cước công dân số 027176000157 mang tên Nguyễn Thị Hải H: Chị P là em dâu chị H và cháu Hải A là con đẻ chị H. Các đương sự đều thừa nhận trong quá trình vay tiền chị H đưa ông N cầm 03 giấy tờ trên để làm tin. Tại biên bản làm việc ngày 15.02.2023 với chị H và quá trình xác minh tại gia đình thể hiện chị Phương, cháu Hải A biết việc vay nợ của chị H với ông N và có đưa 02 giấy tờ xe mô tô cho ông N trong quá trình vay tiền. Tuy nhiên hiện nay chiếc xe Piaggio Zip BKS: 99B1-406.06 và chiếc xe mô tô Honda Wave BKS 99B1-399.68 đã cho người khác. Chị H không có ý kiến gì đối với 03 giấy tờ trên. Chị P, cháu Hải A không có ý kiến gửi đến Tòa án. Ông N, bà X đồng ý trả lại cho chị H 3 loại giấy tờ trên khi chị H thanh toán toàn bộ khoản nợ. Xét thấy, đây là những giấy tờ do chị H đưa cho ông N để đảm bảo lòng tin khi vay tiền và thuộc quyền quản lí của chị H nên cần trả lại cho chị H. Chị P, cháu Hải A có yêu cầu đòi lại giấy tờ sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc chị Nguyễn Thị Hải H phải trả cho ông Nguyễn Mạnh N và bà Nguyễn Thị X số tiền 70.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Mạnh N, bà Nguyễn Thị X phải trả cho chị Nguyễn Thị Hải H 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 026912 đăng ký xe nhãn hiệu Piaggio Zip biển số đăng ký 99B1-406.06 mang tên Từ Thị Lan Phương; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 026047 đăng ký xe nhãn hiệu Honda Wave biển số đăng ký 99B1-399.68 mang tên Nguyễn Hải Anh và 01 Căn cước công dân số 027176000157 mang tên Nguyễn Thị Hải H.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi Hnh án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí: Chị Nguyễn Thị Hải H phải chịu 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt án

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Từ Sơn;
- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THADS TP Từ Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hồng Thanh